

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THỦY SẢN SÀI GÒN
 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
 Báo cáo tài chính đã kiểm toán
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10-28
7. Phụ lục	29 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Liêm	Chủ tịch	11/12/2013	
	Thành viên	29/5/2013	11/12/2013
Bà Bùi Thị Phương Thảo	Chủ tịch	29/5/2013	11/12/2013
Ông Trần Văn Hạnh	Chủ tịch	29/5/2013	29/5/2013
Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên	29/5/2013	29/5/2013
Ông Lê Văn Mạnh	Thành viên	29/5/2013	29/5/2013
Bà Trần Thị Minh Nga	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Huỳnh Quang Thanh	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Thành viên	24/01/2014	24/01/2014
Ông Nguyễn Xuân Toàn	Thành viên	24/01/2014	24/01/2014

Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Diệu Phú	Trưởng ban	24/01/2014	
Bà Lê Thị Minh Liên	Trưởng ban	24/01/2014	24/01/2014
Bà Trần Việt Hà	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	29/5/2013	29/5/2013
Ông Trương Văn Toa	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Nguyễn Thanh Quốc	Thành viên	24/01/2014	24/01/2014
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên	24/01/2014	24/01/2014

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Duy Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 27/6/2013)
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 19/12/2013)

3. Trụ sở hoạt động: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

4. Các hoạt động chính

Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản. Chế biến cá và thủy sản khác. Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

sản, vật tư nông nghiệp, thức ăn nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh kho, bãi. Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Kinh doanh bất động sản.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 34.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
 - Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
 - Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu tố với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
 - Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Liêm	Chủ tịch	11/12/2013	
	Thành viên	29/5/2013	11/12/2013
Bà Bùi Thị Phương Thảo	Chủ tịch	29/5/2013	11/12/2013
Ông Trần Văn Hạnh	Chủ tịch	29/5/2013	29/5/2013
Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên		29/5/2013
Ông Lê Văn Mạnh	Thành viên		29/5/2013
Bà Trần Thị Minh Nga	Thành viên		29/5/2013
Ông Huỳnh Quang Thanh	Thành viên		24/01/2014
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Thành viên	24/01/2014	
Ông Nguyễn Xuân Toàn	Thành viên	24/01/2014	

Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Diệu Phú	Trưởng ban	24/01/2014	
Bà Lê Thị Minh Liên	Trưởng ban		24/01/2014
Bà Trần Việt Hà	Thành viên		24/01/2014
Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên		29/5/2013
Ông Trương Văn Toa	Thành viên	29/5/2013	24/01/2014
Ông Nguyễn Thanh Quốc	Thành viên	24/01/2014	
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên	24/01/2014	

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Duy Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 27/6/2013)
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 19/12/2013)

3. Trụ sở hoạt động: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

4. Các hoạt động chính

Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản. Chế biến cá và thủy sản khác. Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

sản, vật tư nông nghiệp, thức ăn nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh kho, bãi. Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Kinh doanh bất động sản.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 34.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bằng căn đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị


Nguyễn Văn Liêm

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 05 tháng 5 năm 2014



CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIỆT NAM AUDITING COMPANY

Office at Thủ Đức Market City
No. 38/1 Lam Sơn, Tân Bình District. Tel: 84 8 6296 8664
No. 426 Cao Thắng, District 10. Tel: 84 8 3888 3306
Office in Hanoi - Level 25, M3-M4 Building, No 91 Nguyễn
Chi Thanh, Dong Da - Tel 84 8 6296 3006 - www.dfk.com.vn

Số: 218/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn, được lập ngày 05 tháng 5 năm 2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Sài Gòn tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2014
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

P. GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN VĂN TUYẾN
 Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0111-2013-042-1

HỒ ĐẮC HIỆU
 Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0458-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn		100		122.436.461.302	178.638.315.025
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.01	53.084.915.754	7.507.746.019
1. Tiền		111		3.085.915.754	2.957.746.019
2. Các khoản tương đương tiền		112		49.999.000.000	4.550.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	V.02	14.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn khác		130	V.03	49.024.410.631	141.945.546.045
III. Các khoản phải thu		131		19.336.266.266	111.143.728.478
1. Phải thu khách hàng		132		39.646.652.487	40.556.896.559
2. Trả trước cho người bán		135		11.892.517.962	5.297.605.304
3. Các khoản phải thu khác		139		(21.851.026.084)	(15.052.684.296)
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		140	V.04	2.980.225.376	25.332.331.852
IV. Hàng tồn kho		141		2.980.225.376	25.332.331.852
1. Hàng tồn kho		149		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		150	V.05	3.346.909.541	3.852.691.109
V. Tài sản ngắn hạn khác		151		221.467.834	154.994.688
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		152		-	482.402.588
2. Thuế GTGT được khấu trừ		154		63.564.699	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		158		3.061.877.008	3.215.293.833
4. Tài sản ngắn hạn khác		200		45.181.195.036	130.876.833.116
B. Tài sản dài hạn		210	V.06	24.803.265.601	43.460.186.549
I. Các khoản phải thu dài hạn		211		62.424.400.144	69.272.359.475
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		218		476.108.238	487.100.684
2. Phải thu dài hạn khác		219		(38.097.242.781)	(26.299.273.610)
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		220		18.082.660.386	56.395.375.222
II. Tài sản cố định		221	V.07	18.007.388.706	39.972.639.382
1. Tài sản cố định hữu hình		222		71.434.389.530	94.107.884.132
- Nguyên giá		223		(53.427.000.824)	(54.135.244.750)
- Giá trị hao mòn lũy kế		227	V.08	75.271.680	16.400.217.441
2. Tài sản cố định vô hình		228		505.580.187	19.660.138.125
- Nguyên giá		229		(430.308.507)	(3.259.920.684)
- Giá trị hao mòn lũy kế		230		-	22.518.399
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		240		-	-
III. Bất động sản đầu tư		250	V.09	925.701.080	30.925.701.080
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		252		-	30.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		258		5.167.249.080	5.167.249.080
2. Đầu tư dài hạn khác		259		(4.241.548.000)	(4.241.548.000)
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		260	V.10	1.369.567.969	95.570.265
V. Tài sản dài hạn khác		261		1.008.567.969	4.570.265
1. Chi phí trả trước dài hạn		268		361.000.000	91.000.000
2. Tài sản dài hạn khác		270		167.617.656.338	309.515.148.141
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				167.617.656.338	309.515.148.141

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả		300		106.180.037.470	235.409.781.871
I. Nợ ngắn hạn		310		105.898.735.995	235.128.480.396
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.11	51.585.116.955	220.162.550.073
2. Phải trả người bán		312	V.12	4.041.561.038	4.166.181.716
3. Người mua trả tiền trước		313	V.12	32.104.720	2.676.001.049
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.13	11.133.718.396	1.104.154.951
5. Phải trả người lao động		315	V.14	638.726.270	861.570.209
6. Chi phí phải trả		316	V.15	6.776.012.449	1.052.283.791
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác		319	V.16	31.712.652.286	5.126.894.726
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		(21.156.119)	(21.156.119)
II. Nợ dài hạn		330		281.301.475	281.301.475
1. Vay và nợ dài hạn		334	V.17	281.301.475	281.301.475
B. Vốn chủ sở hữu		400	V.18	61.437.618.868	74.105.366.270
I. Vốn chủ sở hữu		410		61.437.618.868	74.105.366.270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		96.000.000.000	96.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		417		465.732.120	465.732.120
3. Quỹ dự phòng tài chính		418		465.732.120	465.732.120
4. Quỹ dự phòng tài chính		420		(35.493.845.372)	(22.826.097.970)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		430		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		440		167.617.656.338	309.515.148.141
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				167.617.656.338	309.515.148.141

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	4.498.587.033	4.498.587.033
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại	6.712.02	1.112.73
+ USD		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

Trần Ngọc Thành
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Toàn
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 5 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		201.168.125.645	679.763.903.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	201.168.125.645	679.763.903.671
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	185.535.708.361	648.509.803.279
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.632.417.284	31.254.100.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.044.553.349	1.668.363.008
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15.512.192.663	25.756.715.496
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.755.481.438	24.619.242.119
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	647.907.241	706.959.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	37.843.112.814	30.899.786.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (tổ)	30		(37.326.242.085)	(24.440.998.435)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	115.195.657.664	1.106.618.192
12. Chi phí khác	32	VI.08	80.493.122.925	294.232.552
13. Lợi nhuận khác	40		34.702.534.739	812.365.640
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (tổ)	50		(2.623.707.347)	(23.628.632.795)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	10.044.040.055	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (tổ)	60		(12.667.747.402)	(23.628.632.795)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / (tổ)	70		(1.320)	(2.461)

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

Trần Ngọc Thành
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Toàn
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 5 năm 2014



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(2.623.707.347)	(23.628.632.795)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.018.445.180	9.053.896.956
Các khoản dự phòng	03	18.596.310.959	16.778.831.787
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(84.623.250.827)	(765.928.438)
Chi phí lãi vay	06	14.755.481.438	24.619.242.119
Lợi nhuận trước thuế điều chỉnh vốn lưu động	08	(45.876.720.597)	26.057.409.629
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	95.384.242.475	3.954.593.606
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	22.352.106.476	13.715.516.291
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	53.728.747.772	(11.606.490.740)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(1.036.826.492)	108.995.784
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.180.580.548)	(24.411.679.034)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(636.484.751)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	390.169.900	2.392.509.592
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(270.000.000)	559.533.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115.491.138.986	10.133.904.244
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(489.317.582)	(405.930.537)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	112.650.415.358	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	502.366.091	765.908.459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	98.663.463.867	359.997.901
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	186.791.871.192	590.162.815.310
Tiền trả nợ gốc vay	34	(355.369.304.310)	(600.884.598.176)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(168.577.433.118)	(10.721.782.866)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	45.577.169.735	(227.880.721)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.507.746.019	7.735.626.740
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	53.084.915.754	7.507.746.019

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trần Ngọc Thành Trần Thị Minh Nga Nguyễn Ngọc Toán
 Người lập biểu Kế toán trưởng Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 5 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005673 ngày 07/12/2006, và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo thông báo chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 487/QĐ-SGDHN ngày 07/10/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng vốn điều lệ của Công ty: 96.000.000.000 đồng

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

2. Tên giao dịch, trụ sở, Chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SAIGON SEAPRODUCTS IMPORT EXPORT JSC.

Trụ sở chính đặt tại: 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Các chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc Công ty:

Tên Chi nhánh, Xí nghiệp	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy Sản Sài Gòn - Xí nghiệp Phú Viên	Số 67 Phố Phú Viên, tổ 2, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.
Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy Sản Sài Gòn - Xí nghiệp Kho Vện	678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM.
Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy Sản Sài Gòn - Kho lạnh Sea Sài Gòn	KCN Sóng Thần 2, huyện Di An, tỉnh Bình Dương.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, Dịch vụ

4. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản. Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ. Kinh doanh vận tải biển. Công nghiệp khai thác cá và các thủy sản khác. Chế biến cá và thủy sản khác. Mua bán vải sợi, hàng thực phẩm chế biến. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm hóa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phương tiện vận tải, thức ăn gia súc - thủy sản, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), thức ăn nuôi trồng thủy sản, bạc nguyên chất (hàm lượng bạc trên 90%) dạng thỏi hoặc bán thành phẩm. Sản xuất, gia công linh kiện thép. Kinh doanh kho, bãi. Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc (thực hiện đúng Quyết định số 80/2001/QĐ - TTg ngày 24/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ). Mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Luyện, cán thép (không hoạt động tại trụ sở) Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các chi phí hoặc chi phí và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Bên cạnh đó, việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng được dựa trên ước tính và xét đoán của Hội đồng trích lập dự phòng của Công ty trong một số trường hợp cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 36 năm
Máy móc thiết bị	10 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	04 - 06 năm
Phần mềm vi tính	

Quyền sử dụng đất: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chứng được vốn hóa theo quy định. Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Chi theo thực tế phát sinh

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu cho thuê kho lạnh bảo quản hàng thủy sản và các loại hàng khác; cho thuê container, kho bãi, vận phòng làm việc; vận tải bộ hàng đông lạnh.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Có tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán có tức của Công ty được xác lập.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	(1.1) 1.113.018.217	925.803.281
Tiền gửi ngân hàng	(1.2) 1.972.897.537	2.031.942.738
Các khoản tương đương tiền	(1.3) 49.999.000.000	4.550.000.000
Cộng	53.084.915.754	7.507.746.019

(1.1) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại XN Phú Viên	327.746.700	104.193.899
Tiền mặt tại XN Kho lạnh Sóng Thần	66.927.999	7.221.738
Tiền mặt tại XN Kho Vựa	534.578.446	645.225.777
Tiền mặt tại VP Công ty	70.257.072	9.321.867
36 chi vàng 96T tại VP Công ty	113.508.000	159.840.000
Cộng	1.113.018.217	925.803.281

(1.2) Bao gồm:

	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		1.831.416.479
Tiền gửi ngân hàng bằng USD	6.712.02	141.481.058
Cộng		1.972.897.537

(1.3): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Sài Gòn phát sinh tại văn phòng Công ty, lãi suất 6,9%/năm.

2. Đầu tư ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay ngắn hạn	14.000.000.000	-

Khoản cho vay đến Công ty CP Nam Tiến theo hợp đồng cho vay số 11/SSG-NT/2013 ngày 27/12/2013 với thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất cho vay tháng đầu tiên là 0%/tháng, và 1%/tháng cho những tháng tiếp theo.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(3.1) 19.336.266.266	111.143.728.478
Trả trước cho người bán	(3.2) 39.646.652.487	40.556.896.559
Phải thu khác	(3.3) 11.892.517.962	5.297.605.304
Cộng	70.875.436.715	156.998.230.341
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.4) (21.851.026.084)	(15.052.684.296)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	49.024.410.631	141.945.546.045

(3.1) Bao gồm:

	Ngoại tệ	Tương đương VND
Phải thu khách hàng bằng VND		7.494.242.354
Phải thu khách hàng bằng USD	561.925.43	11.842.023.912
Cộng		19.336.266.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Ngoại tệ	Tương đương VND
(3.2) Bao gồm:		
Trả trước người bán bằng VND		38.008.034.103
Trả trước người bán bằng USD	78.779.73	1.638.618.384
Cộng		39.646.652.487

(3.3) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến giá trị tài sản theo các biên bản thỏa thuận với các khách hàng cho mục đích cần trợ cấp trợ cấp	4.426.620.000	5.297.605.304
Phải thu liên quan đến khoản ứng trước để thực hiện hợp đồng nhận chuyển nhượng bất động sản tại số 146 Nguyễn Văn Trỗi và số 223 Hoàng Văn Thu, TP.HCM	5.000.000.000	-
Phải thu Ông Huỳnh Văn Hải	2.200.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	220.412.258	-
Phải thu khác	45.485.704	-
Cộng	11.892.517.962	5.297.605.304

(3.4) Dự phòng nợ phải thu khó đòi

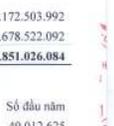
	Tỷ lệ trích lập	Giá trị các khoản phải thu đến ngày 31/12/2013 để lập dự phòng	Trị giá dự phòng
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán			
Công nợ phải thu từ 01 - 02 năm	50%	34.345.007.984	17.172.503.992
Công nợ phải thu từ 3 năm trở lên	100%	4.678.522.092	4.678.522.092
Cộng		39.023.530.076	21.851.026.084

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	148.390.247	49.012.625
Công cụ dụng cụ	895.418	895.418
Thành phẩm	284.011.203	-
Hàng hóa tồn kho	2.546.928.508	25.282.423.809
Cộng	2.980.225.376	25.332.331.852
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	2.980.225.376	25.332.331.852

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	(5.1) 221.467.834	154.994.688
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	482.402.588
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(5.2) 63.564.699	-
Tài sản ngắn hạn khác	(5.3) 3.061.877.008	3.215.293.833
Cộng	3.346.909.541	3.852.691.109



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(5.1) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	59.169.400	154.994.688
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	162.298.434	-
Cộng	221.467.834	154.994.688

(5.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế Nhập khẩu nộp đư	63.564.699	-
Thuế TNDN liên quan hoạt động chính nộp đư năm 2011	-	-
Cộng	63.564.699	-

(5.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.288.788.920	2.678.958.820
Các khoản tạm ứng đến nhân viên	753.088.088	516.335.013
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	20.000.000	20.000.000
Cộng	3.061.877.008	3.215.293.833

(*) Bao gồm giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE là 2.288.788.920 đồng, gửi tại kho Tân Định Phòng bị niêm phong bởi các chủ của công ty này (công ty này đã bỏ trốn). Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc này và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán.

(**) Trong đó, bao gồm khoản tạm ứng khó thu hồi là 234.499.427 đồng đã được trích lập dự phòng 100%.

5. Các khoản phải thu dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng dài hạn	(5.1) 62.424.400.144	69.272.359.475
Phải thu dài hạn khác	(5.2) 476.108.238	487.100.684
Cộng	62.900.508.382	69.759.460.159
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(5.3) (38.097.242.781)	(26.299.273.610)
Giá trị thuần các khoản phải thu dài hạn	24.803.265.601	43.460.186.549

(5.1) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VND
Phải thu khách hàng dài hạn bằng VND	8.888.383.786	-
Phải thu khách hàng dài hạn bằng USD	2.539.659.22	53.536.016.358
Cộng		62.424.400.144

(5.2) Các khoản phải thu dài hạn khác đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100%.

(5.3) Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Tỷ lệ trích lập	Giá trị các khoản phải thu đến ngày 31/12/2013 để lập dự phòng	Trị giá dự phòng
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	50%	617.458.074	308.729.037
Công nợ phải thu từ 1 - 2 năm	100%	37.788.513.744	37.788.513.744
Công nợ phải thu từ 3 năm trở lên	100%	37.788.513.744	37.788.513.744
Cộng		38.405.971.818	38.097.242.781

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, DCQL	Cộng
Nguyên giá					
Số đư đầu năm	42.379.346.384	45.523.541.868	5.307.837.285	897.158.595	94.107.884.132
Tăng	188.893.181	28.162.800	294.780.000	-	511.835.981
Giảm do thanh lý	22.538.270.922	-	-	-	22.538.270.922
Giảm do chuyển sang	-	-	-	-	-
CCDC	94.723.682	72.162.800	-	480.173.179	647.059.661
Số đư cuối năm	19.935.244.961	45.479.541.868	5.602.617.285	416.985.416	71.434.389.530

Hao mòn lũy kế					
Số đư đầu năm	25.490.540.324	24.664.178.790	3.186.551.547	793.974.089	54.135.244.750
Tăng	2.012.167.772	4.884.308.841	657.814.880	99.908.075	7.654.199.568
Giảm thanh lý	7.749.028.191	-	-	-	7.749.028.191
Giảm do chuyển sang	-	-	-	-	-
CCDC	89.165.841	47.352.714	-	476.896.748	613.415.303
Số đư cuối năm	19.664.514.064	29.501.134.917	3.844.366.427	416.985.416	53.427.000.824

Giá trị còn lại					
Số đư đầu năm	16.888.806.060	20.859.363.078	2.121.285.738	103.184.506	39.972.639.382
Số đư cuối năm	270.730.897	15.978.406.951	1.758.250.858	-	18.007.388.706

TSCĐ tăng lên trong năm do mua sắm mới, xây dựng hoàn thành.

TSCĐ giảm trong năm do thanh lý và phân loại sang công cụ dụng cụ

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 27.368.282.779 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá	(*)		
Số đư đầu năm	19.154.557.938	505.580.187	19.660.138.125
Tăng	-	-	-
Giảm do chuyển nhượng	19.154.557.938	-	19.154.557.938
Số đư cuối năm	-	505.580.187	505.580.187
Hao mòn lũy kế			
Số đư đầu năm	2.854.702.737	405.217.947	3.259.920.684
Tăng	339.155.052	25.090.560	364.245.612
Giảm do chuyển nhượng	3.193.857.789	-	3.193.857.789
Số đư cuối năm	-	430.308.507	430.308.507
Giá trị còn lại			
Số đư đầu năm	16.299.855.201	100.362.240	16.400.217.441
Số đư cuối năm	-	75.271.680	75.271.680

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng 678.6 m2 đất tại địa chỉ số 200 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. HCM với thời hạn sử dụng 50 năm kể từ 17/12/2007. Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/11/2008. Vào năm 2013, Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.	12.611.700.000
Giá trị quyền sử dụng 8.804 m2 đất tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương với thời hạn sử dụng đến hết ngày 31/12/2045. Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2003.	6.542.857.938
Cộng	19.154.557.938

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1) -	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(9.2) 5.167.249.080	5.167.249.080
Cộng	5.167.249.080	35.167.249.080
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(9.2) (4.241.548.000)	(4.241.548.000)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn	925.701.080	30.925.701.080

(9.1) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Hồng Lạc (vốn điều lệ 100 tỷ, là pháp nhân mới được thành lập chủ yếu bởi Công ty và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ, nhằm thực hiện kinh doanh dự án "Khu phức hợp Tân Bình" tại địa chỉ 678 Âu Cơ, quận Tân Bình, TP. HCM). Theo hợp đồng liên doanh được ký giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ, Công ty góp vốn là 30 tỷ đồng. Công ty đã thanh lý hợp đồng liên doanh này với Công ty Xây dựng Tây Hồ theo biên bản thanh lý ngày 25/10/2013.

(9.2) Bao gồm:	Số lượng	Đơn giá mua	Trị giá đầu tư	Dự phòng giảm giá
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	32.082	10.000	320.829.080	-
Ngân hàng TMCP Phương Nam	87.480	50.828	4.446.420.000	(3.886.548.000)
Công ty CP TM Vàng Bạc Đa quý Phương Nam	10.000	40.000	400.000.000	(355.000.000)
Cộng			5.167.249.080	(4.241.548.000)

10. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	33.644.358	4.570.265
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	974.923.611	-
Tài sản dài hạn khác (đặt cọc thuế vận phòng)	361.000.000	91.000.000
Cộng	1.369.567.969	95.570.265

11. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	51.585.116.955	220.162.550.073

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vay từ các cá nhân	-	21.000.000.000	21.000.000.000	-
Vay từ ngân hàng:				
Vay bằng VND				
Ngân hàng Ngoại Thương - CN HCM	107.289.921.738	161.097.566.822	268.387.488.560	-
Vay bằng USD				
Ngân hàng Ngoại Thương - CN HCM	52.898.230.528	3.694.951.384	56.593.181.912	-
Ngân hàng Phương Nam - CN Sài Gòn	50.899.925.648	-	(685.191.307)	51.585.116.955
Cộng vay ngắn hạn	211.088.077.914	164.792.518.206	324.295.479.165	51.585.116.955
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.074.472.159			-
Cộng vay và nợ ngắn hạn	220.162.550.073			51.585.116.955

Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN Sài Gòn: theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 026/03/12HM ngày 29/3/2012 với tổng hạn mức tín dụng được cấp là 3.330.000.00 USD; Mục đích vay được thể hiện theo từng lần cấp tín dụng; Thời gian cấp hạn mức tín dụng: 36 tháng (từ 29/3/2012 đến 29/3/2015), thời hạn cho vay: theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 2,447,111,81 USD tương đương 51.585.116.955 đồng. Khoản vay này đã quá hạn.

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	(*) 4.041.561.038	4.166.181.716
Người mua trả tiền trước	32.104.720	2.676.001.049
Cộng	4.073.665.758	6.842.182.765

(*) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VND
Phải trả người bán bằng VND	-	2.652.518.680
Phải trả người bán bằng USD	65.893.85	1.389.042.358
Cộng		4.041.561.038

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp	701.159.685	779.960.063
Thuế TNDN phải nộp	10.044.040.055	-
Thuế TNCN phải nộp	43.843.648	14.068.110
Các khoản khác phải nộp Nhà nước (Thuế đất tại XN Phú Viên)	344.675.008	310.126.778
Cộng	11.133.718.396	1.104.154.951

14. Phải trả người lao động	Số cuối năm	Số đầu năm
	638.726.270	861.570.209

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay còn phải trả (276,079.18 USD)	5.819.749.114	280.784.485
Lãi vay còn phải trả liên quan đến khoản vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển phát sinh tại XN Phú Viên từ trước cổ phần hóa	750.013.328	714.077.067
Chi phí phải trả khác	206.250.007	57.422.239
Cộng	6.776.012.449	1.052.283.791

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN	147.017.161	336.148.340
Phải trả lương nhân viên nghỉ việc từ thời điểm CP hóa	81.480.250	81.480.250
Phải trả tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng phát sinh tại XN Kho Vận	1.062.556.900	774.080.126
Cổ tức còn phải trả	1.948.219.159	1.949.515.859
Số tiền Công ty đã nhận trước liên quan đến việc chuyển giao tài sản nhận cầm cố	1.000.000.000	1.554.048.000
Phải trả liên quan đến khoản Công ty CP Thanh Niên đã chi hộ Thuế GTGT còn phải nộp liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại số 200 Điện Biên Phủ, Q.3, TP.HCM chưa được quyết toán	8.548.163.636	-
Khoản truy thu thuế GTGT và phạt vi phạm hành chính theo QĐ 338/QĐ-CT-TT2 của Cục thuế TP.HCM ngày 01/02/2013	3.745.458.178	-
Phải trả khác	409.757.002	431.622.151
Cộng	31.712.652.286	5.126.894.726

17. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm		
Ngân hàng Quốc tế - CN Sài Gòn	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vay bằng VND	2.299.530.063	-	2.299.530.063	-
Vay bằng USD	6.774.942.096	-	6.774.942.096	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(9.074.472.159)	-	-	-
Quỹ Hỗ trợ phát triển - CN Hà Nội	281.301.475	-	-	281.301.475
Cộng vay và nợ dài hạn	281.301.475	-	-	281.301.475

Khoản vay Quỹ hỗ trợ phát triển - Chi nhánh Hà Nội phát sinh tại xí nghiệp Phú Viên nhằm đầu tư sửa chữa ô tô chụm, thiết bị điện, nước và cải tạo nhà kho phục vụ sản xuất nước mắm phát sinh từ những năm trước cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Chỉ tiêu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96.000.000.000	-	-	96.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	465.732.120	-	-	465.732.120
Quỹ dự phòng tài chính	465.732.120	-	-	465.732.120
Lợi nhuận chưa phân phối	(22.826.097.970)	(12.667.747.402)	-	(35.493.845.372)
Cộng	74.105.366.270	(12.667.747.402)	-	61.437.618.868

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005673 ngày 07/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/01/2014, vốn điều lệ của Công ty là 96.000.000.000 đồng (Bao gồm 9.600.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu thường	9.600.000	9.600.000

Số lượng cổ phiếu mua lại	Năm nay	Năm trước
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Năm nay	Năm trước
- Cổ phiếu thường	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Lợi nhuận chưa phân phối	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2013	-	(22.826.097.970)
Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm 2013	-	(12.667.747.402)
Tăng do giảm thuế TNDN phải nộp năm 2011 theo Biên bản kiểm tra thuế	-	(35.493.845.372)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2013	-	(35.493.845.372)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ bán vật tư	144.905.384.131	603.762.410.454
Doanh thu từ bán thủy, hải, nông sản	17.540.458.910	40.664.755.421
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê kho bãi, kho lạnh,...)	38.722.282.604	35.336.737.796
Cộng	201.168.125.645	679.763.903.671
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	201.168.125.645	679.763.903.671

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư	141.080.659.545	584.874.239.146
Giá vốn hàng thủy, hải, nông sản	17.419.644.358	39.906.238.086
Giá vốn dịch vụ	27.035.404.458	23.729.326.047
Cộng	185.535.708.361	648.509.803.279

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	722.778.349	709.519.123
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	56.409.315
Lãi chênh lệch tỷ giá	321.775.000	902.434.570
Cộng	1.044.553.349	1.668.363.008

4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.755.481.438	24.619.242.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá	756.711.225	1.110.965.627
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	26.507.750
Cộng	15.512.192.663	25.756.715.496

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.685.508	706.959.978
Chi phí khác bằng tiền	92.221.733	-
Cộng	647.907.241	706.959.978

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.769.971.432	5.549.562.485
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	267.813.691	246.676.646
Chi phí khấu hao TSCĐ	587.837.707	617.259.747
Thuế, phí và lệ phí	169.967.356	6.685.600
Chi phí dự phòng	18.596.310.959	16.806.694.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.059.046.429	876.761.018
Chi phí khác bằng tiền	13.392.165.240	6.796.146.579
Cộng	37.843.112.814	30.899.786.361

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu từ chuyển nhượng TSCĐ	114.650.415.358	-
Thu lãi phạt vi phạm hợp đồng	374.965.875	920.212.348
Thu nhập từ việc xử lý công nợ không phải trả	170.272.932	-
Thu từ khoản Thuế nhập khẩu được hoàn	-	88.643.968
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	66.787.518
Thu nhập khác	3.499	30.974.358
Cộng	115.195.657.664	1.106.618.192

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Thu lao HDQT và BKS	156.000.000	156.000.000
Giá trị còn lại cá TSCĐ chuyển nhượng	30.749.942.880	-
Lỗ từ việc thanh lý tài sản thu hồi của khách hàng để bù trừ công nợ	125.658.547	96.833.628
Chi phí phạt vi phạm hành chính	3.769.458.178	26.205.776
Thanh lý khoản hợp tác đầu tư	30.000.000.000	-
Chi phí hỗ trợ đi đời	15.500.000.000	-
Xử lý tài sản thiếu	189.807.900	-
Chi phí khác	2.255.420	15.213.148
Cộng	80.493.122.925	294.252.552

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động kinh doanh chính	(42.799.867.567)	(23.628.632.795)
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	40.176.160.220	-
Tổng thu nhập (lỗ) kế toán trước thuế	(2.623.707.347)	(23.628.632.795)
Các khoản điều chỉnh tăng	4.243.180.045	279.039.404
Các khoản điều chỉnh giảm	(56.409.315)	-
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(38.556.687.522)	(23.406.002.706)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	40.176.160.220	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (25%)	10.044.040.055	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu cầu	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.934.519.771	605.746.642.376
Chi phí nhân công	15.863.443.825	18.404.180.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.018.445.180	9.053.896.956
Chi phí dự phòng	18.596.310.959	16.806.694.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.265.462.306	13.875.563.082
Chi phí bằng tiền khác	15.890.351.362	11.133.988.634
Cộng	70.568.533.403	675.020.965.454

VII. Thông tin khác

1. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ
Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Bản Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Tại ngày 31/12/2013	
	USD	VND tương đương
Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD là như sau:		
Tài sản tài chính		
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	6,712.02	141.481.058
Phải thu khách hàng	561.925.43	11.842.023.912
Phải thu khách hàng dài hạn	2,539.659.22	53.536.016.358
Tổng cộng	3,108,296.67	65,519,521,328
Nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	2,447,111.81	51.585.116.955
Phải trả người bán	65,893.85	1.389.042.358
Chi phí phải trả	276,079.18	5.819.749.114
Tổng cộng	2,789,084.84	58,793,908,427
Mức rủi ro tiền tệ	319,211.83	6,725,612,901

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh (yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (336.280.645) đồng Việt Nam do lãi/lỗ chuyển đổi tỷ giá trên số dư của công ty tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các cổ phiếu chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công ty tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/giảm) 2% thì:

	Tại ngày 31/12/2013
Tài sản có lãi suất	
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	49.999.000.000
Cho vay	14.000.000.000
Tổng	63.999.000.000

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhận với 2% (hai phần trăm): 1.279.980.000 đồng (A).

Nợ phải trả có lãi suất

Các khoản vay	51.585.116.955
Tổng	51.585.116.955

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhận với 2% (hai phần trăm): 980.117.222 đồng (B).

Trang 75/74

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ảnh hưởng lãi/lỗ đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = 299.862.778 đồng.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công ty tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, ứng trước cho người bán và các khoản tạm ứng của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 57.098.874.023 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và người mua trả tiền trước được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2013
Giá trị ghi sổ	
Tổng gộp	77.429.501.894
Trừ dự phòng giảm giá trị	(59.948.268.865)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	17.481.233.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các cam kết khác

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và hiện trạng công trình hiện hữu trên đất tại số 146 Nguyễn Văn Trỗi và 223 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM ngày 16/12/2013 giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Nhà (Intresco). Công ty sẽ nhận chuyển nhượng bất động sản nêu trên với giá trị 260 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã ứng trước số tiền là 5 tỷ đồng cho Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Nhà.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tính đến thời điểm này, Công ty vẫn đang làm việc với cơ quan thuế liên quan đến khoản truy thu thuế giá trị gia tăng và phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 338/QĐ-CT-TT2 của Cục thuế TP.HCM ngày 01/02/2013 với số tiền là 3.745.458.178 đồng.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Trần Ngọc Thành
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 5 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá trị

Số dư đầu năm (01/01/2013)	(41.351.957.906)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(18.596.310.959)
Số dư cuối năm (31/12/2013)	(59.948.268.865)

c. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yếu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	51.585.116.955	281.301.475	51.866.418.430
Phải trả người bán	4.041.561.038	-	4.041.561.038
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.133.718.396	-	11.133.718.396
Phải trả người lao động	638.726.270	-	638.726.270
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	38.488.664.735	-	38.488.664.735
Tổng cộng	105.887.787.394	281.301.475	106.169.088.869

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là tương đối. Công ty vẫn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có thế chấp, cầm cố tài sản có định để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã nhận cầm cố tài sản có định của một bên khác để đảm bảo cho các khoản nợ phải thu.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2013	So sánh giá trị thuần với giá trị sổ sách			
	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	49.999.000.000	-	-	49.999.000.000
Cho vay ngắn hạn	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Các đầu tư dài hạn khác				
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	5.167.249.080	-	(4.241.548.000)	925.701.080
Tổng cộng	69.166.249.080	-	(4.241.548.000)	64.924.701.080

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI NGÀY 31/12/2013

1. Phải thu Khách hàng (bằng VND)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Đông Á Sài Gòn		957.600.000
2	Công ty CP Thủy Sản Số 1		40.795.259
3	Công ty CP Hoàng Tây		782.100
4	CN Cty TNHH Quốc Tế Hải Phòng		15.864.057
5	Cty TNHH 1 TV Phúc Hưng		8.140.000
6	Nguyễn Anh Dũng		16.967.750
7	Công ty TNHH TM DV Khởi Thịnh		4.419.076
8	Cty CP Cơ khí Kim & Kim		2.442.255
9	Phạm Văn Thịnh		1.158.040
10	Lê Hữu Nghĩa		2.037.640
11	Công ty TNHH XNK SX C.U TP Vina Kobe		2.565.239
12	Công ty TNHH Sinh Trưởng		27.324.000
13	Võ Thị Hoa Đăng		14.668.500
14	Lang Anh Tuyết		268.818
15	Dặng Mạnh Thường		112.414.500
16	Công ty CP Tân Phú Thịnh		21.252.000
17	Chi nhánh Công ty TNHH TM DV DL Phát Xuân Tùng		25.762.000
18	Công ty TNHH MTV TP Nhật Tâm		5.954.647
19	Công ty TNHH Hoàng Phiên		60.652.900
20	Công ty CP TM và DV Nhật Thịnh		3.132.800
21	Công ty TNHH TM DV XNK Hồng Xương		170.108.545
22	CN Công ty TNHH Các Tùng		4.350.750
23	Cty TNHH Hóa chất Thánh Phương		229.490.800
24	Công ty CP N.S Thực phẩm Lâm Đồng		2.702.188
25	Công ty TNHH SX TM DV Nhật Nam		33.021.698
26	Công ty TNHH V và V		22.422.292
27	Công ty CP TM DV SX Việt Thương		39.050.000
28	Cty TNHH XNK Phi Long Ichiban		54.770.386
29	Cty TNHH An Vinh		59.369.908
30	Nguyễn Hoàng Phương		14.244.120
31	Mai Văn Thành		1.446.522
32	Hệ KD Trương Thị Sáng		13.201.611
33	Công ty TNHH TM DV Khánh Phát		45.540.000
34	Cty TNHH Hương Việt		162.419.156
35	Công ty TNHH MTV Vạn Hưng Phát		19.536.000
36	Lý Thị Thu Vân		1.293.050
37	Lê Thị Hồng Vân		36.437.053
38	Cty CP XNK Thủy sản An Giang		73.539.881
39	Sỹ Nguyễn		4.880.539
40	Nguyễn Thị Hiếu		16.660.584
41	Vân Linh		20.603.498
42	Đức Mỹ		3.302.666
43	Hải Ân		221.636.389
44	Đại Phát		82.576.864
45	Thế Hệ Mới		193.275.932
46	Huỳnh Đệ		358.039.145
47	Minh Kiệt		35.837.529
Cộng			562.871.297

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI NGÀY 31/12/2013

1. Phải thu Khách hàng (bằng VND) (tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
48	Công ty Cổ Phần Thành Tân Tiến		1.719.705.416
49	Cty TNHH TM Đức Tiến		287.297.835
50	Đức Thành		23.334.886
51	Sài Gòn Food		1.664.079.275
52	C.P Việt Nam		84.290.906
53	C.P Trùng Việt Nam		112.062.500
54	Tân Hải Hòa		79.253.406
55	Phi Long		37.240.987
56	Đinh Dương SG		1.672.266
57	Nhiều Lộc		12.122.900
58	Hoàn Hào		7.820.692
59	Trần Thị Hằng Nga		14.660.958
60	Foodymart		11.978.802
61	Hải Long Tu Na		3.533.238
62	TP. Trung Sơn (TP.HCM)		57.986.245
63	Trung Sơn (Kiên Giang)		4.693.686
64	Thuận Phát Đạt		759.880
65	Năm Căn		1.821.153
66	An Xuyên		3.591.481
67	Bao Bi CD		52.690.514
68	Ngọc Diễm		4.124.340
69	Neo Unicap		16.078.986
70	Đak Nguyễn Hồng		8.690.000
71	Long Huỳnh		176.070
72	Tân Đông		11.121.411
73	Hải Lộc		31.855.441
74	Đỗ Văn Đoàn		317.856
75	Hải Dương Xanh		4.014.124
76	Phú Kim Ngân		209.440
77	Lê Gia		220.000
78	Bùi Minh Đức		638.154
Cộng			7.502.001.535

2. Phải thu Khách hàng (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Cửa hàng số 49	29,29	617.433
2	Cty CP Địa ốc Ngọc Biển	485.384,30	10.231.901.045
3	Woolfishers	76.458,00	1.601.746.253
Cộng			11.834.264.731

Trần Ngọc Thành
Trần Ngọc Thành
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Toàn
Nguyễn Ngọc Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN TẠI NGÀY 31/12/2013

1. Trả trước người bán (bằng VND)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Cty TNHH SXTM Xây Dựng Biển Đông		30.000.000
2	Công ty TNHH Hoàng Đạo		30.271.975.287
3	Cơ Sở Kinh Doanh Lê Thị Lệ Chiêu		4.690.491.475
4	Nguyễn Văn Hiệp		106.332.975
5	Công ty TNHH Thiên Thời		164.000.000
6	Công ty TNHH Hoàng Nam		180.000.000
Cộng			35.442.799.737

2. Trả trước người bán (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Cty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	16.125,95	2.785.913.242
2	A Del Trading Co Ltd	969,54	20.166.432
3	Dufereo Asia Pie Ltd	4.144,93	86.214.544
4	Koddaert	4.829,38	100.451.104
5	Lu Qin (Hong Kong)	19.586,67	407.402.736
6	Midland Industries Ltd	21.879,52	455.094.016
7	Sakai Kouhan Co., Ltd	11.243,74	233.869.792
Cộng			78.279,73
			4.089.111.866

Trần Ngọc Thành
Trần Ngọc Thành
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Toàn
Nguyễn Ngọc Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN TẠI NGÀY 31/12/2013

1. Phải thu Khách hàng dài hạn (bằng VND)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	DNTN Nguyễn Danh		18.935.024
2	DNTN Cầu Lái		180.000.274
3	DNTN Minh Hiền		42.951.001
4	Bao bì Nhựa Ngân Ngọc Hà		18.390.000
5	DNTN Tam Long		166.000.249
6	Cty TNHH Phương Nga		111.655.821
7	Vinafood		1.957.394.023
Cộng			2.495.326.392

2. Phải thu Khách hàng dài hạn (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Cty Cơ khí Nhựa Bình Đông Hưng	1.161,64	24.487.371
2	Cty TNHH Bảo vệ Thực vật An Hưng Phát	65.206,27	1.374.548.172
3	Cty TNHH Khôi Long	21.022,01	443.143.971
4	AL Gasr Interational	395.437,10	8.335.814.068
5	ICONA CAFÉ	8.953,39	188.737.461
6	Cty TNHH TM Bách Tùng	147.593,65	3.111.274.142
7	Công ty TNHH Dịch Vụ Nam Hà Việt	29.291,18	617.458.074
8	Cty TNHH SX và XNK Tân Đình Phong	1.832.804,34	41.591.212.250
9	Vinafood	38.189,64	4.242.398.243
Cộng			2.539.659,22
			59.929.073.752

Trần Ngọc Thành
Trần Ngọc Thành
Người lập biểu

Trần Thị Minh Nga
Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Toàn
Nguyễn Ngọc Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI NGÀY 31/12/2013

1. Phải trả người bán (bằng VND)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam		39.629.380
2	Công ty Cổ Phần Thái Minh		12.889.300
3	Công ty Cổ Phần Đầu Tư KD Phát Triển Nhà Seaprodex		1.000.000.000
4	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Và Xây Dựng		1.600.000.000
Cộng			2.652.518.680

2. Phải trả người bán (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Commodities International, INC	65.893.85	1.389.042.358
Cộng		65.893.85	1.389.042.358



Trần Ngọc Thành
Người lập biểu



Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI TIẾT NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC TẠI NGÀY 31/12/2013

1. Người mua trả tiền trước (bằng VND)

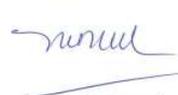
STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Cty CP Giao nhận Liên Hiệp Quốc tế		10.387.170
2	Phú Tân		657.268
3	Công ty TNHH DL & Vận tải Tùng Dương		17.600.000
Cộng			28.644.438

2. Người mua trả tiền trước (bằng USD)

STT	Tên Công ty	Gốc ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	DNTN Thiên Vinh	40.56	855.005
2	Công ty TNHH TMSX Lợi Phong	123.59	2.605.277
Cộng		164.15	3.460.282



Trần Ngọc Thành
Người lập biểu



Trần Thị Minh Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 5 năm 2014